

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NAM ĐỊNH

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP LẦN 1
NĂM HỌC 2024 - 2025

Môn: Địa lí - lớp 12 THPT, GDTX
(Thời gian làm bài: 50 phút.)

MÃ ĐỀ: 1407

Đề thi khảo sát gồm 04 trang.

Họ và tên học sinh:.....

Số báo danh:.....

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Lao động ở khu vực nông thôn nước ta hiện nay **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. chất lượng ngày càng tăng. B. làm việc theo thời vụ.
C. phần lớn đã qua đào tạo. D. thiếu tác phong công nghiệp.

Câu 2: Nơi nào sau đây ở nước ta thường xảy ra lũ quét?

- A. Đồng bằng. B. Vùng núi. C. Ven biển. D. Đàm phá.

Câu 3: Nhiệt điện ở nước ta hiện nay gồm

- A. điện than và điện khí. B. điện địa nhiệt và hạt nhân.
C. thủy điện và điện tái tạo. D. điện gió và điện mặt trời.

Câu 4: Thế mạnh tự nhiên để phát triển cây chè ở vùng Trung du miền núi Bắc Bộ là

- A. diện tích đất phù sa cổ lớn. B. địa hình bị chia cắt mạnh.
C. nhiều sông có độ dốc lớn. D. khí hậu có mùa đông lạnh.

Câu 5: Vùng biển ở nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Diện tích nhỏ hơn vùng đất. B. Chung biển với nhiều nước.
C. Gồm 5 bộ phận và các đảo. D. Mang tính chất cận nhiệt ẩm.

Câu 6: Chăn nuôi lợn nước ta phát triển mạnh ở

- A. các đô thị có dân số đông. B. các khu chế xuất ven biển.
C. vùng cao nguyên xếp tầng. D. vùng sản xuất lương thực.

Câu 7: Vùng có số lượng dân thành thị lớn nhất ở nước ta hiện nay là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Đông Nam Bộ.

Câu 8: Vận tải hàng không ở nước ta hiện nay

- A. chưa có cảng hàng không cửa ngõ quốc tế. B. chủ yếu đảm nhận việc vận chuyển hàng hóa.
C. cước phí vận chuyển hành khách giữ ổn định. D. số lượng luân chuyển khách quốc tế lớn nhất.

Câu 9: Sản phẩm du lịch biển đảo **không** có ở vùng nào sau đây?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đông Nam Bộ. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 10: Loại cây nào sau đây của Đông Nam Bộ đứng đầu cả nước về diện tích?

- A. Cao su. B. Chè. C. Cà phê. D. Lúa gạo.

Câu 11: Khu dự trữ sinh quyển nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Hồng?

- A. Cù lao Chàm. B. Cát Tiên. C. Núi Chúa. D. Cát Bà.

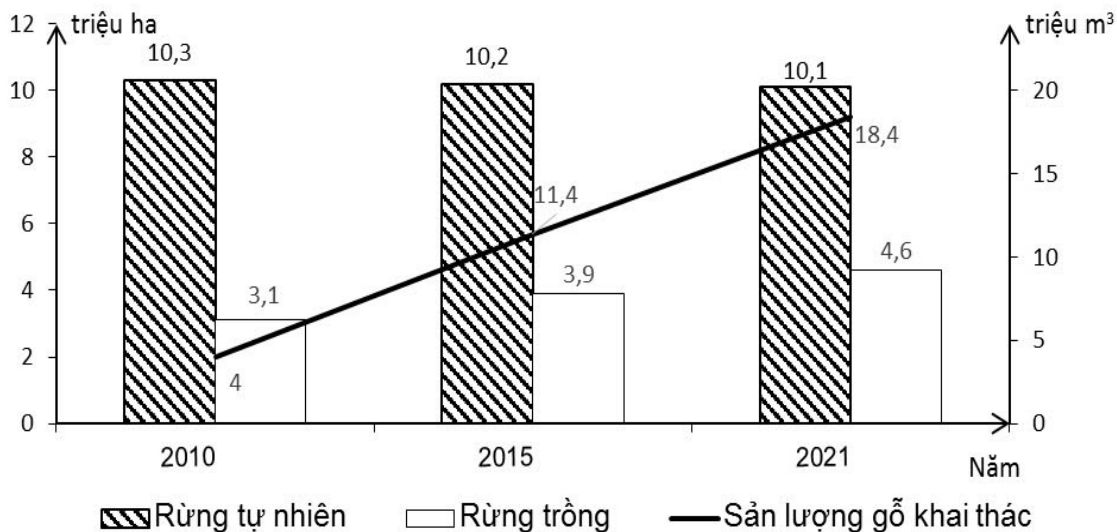
Câu 12: Duyên hải Nam Trung Bộ có thể hình thành tuyến đường biển đến các quốc gia trên thế giới do

- A. hậu phương cảng phát triển với sản phẩm đa dạng.
B. xây dựng được nhiều khu kinh tế mở ở ven biển.
C. vị trí nằm gần tuyến hàng hải quốc tế quan trọng.
D. có lịch sử phát triển ngành hàng hải từ lâu đời.

Câu 13: Diện tích rừng ở Bắc Trung Bộ có xu hướng tăng chủ yếu do

- A. tăng cường bảo vệ vốn rừng, tích cực trồng rừng mới.
B. đẩy mạnh xuất khẩu gỗ, chia sẻ lợi ích với cộng đồng.
C. phát triển kinh tế rừng, ứng dụng công nghệ để quản lí.
D. cải tạo rừng nghèo, tăng cường nhận thức bảo vệ rừng.

Câu 14: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ diện tích rừng và sản lượng gỗ khai thác của nước ta giai đoạn 2010 – 2021

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, 2022. Nxb Thống kê)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên ?

- A. Sản lượng gỗ khai thác tăng chậm hơn diện tích rừng trồng.
- B. Tổng diện tích rừng tăng chủ yếu do tăng diện tích rừng trồng.
- C. Diện tích rừng tự nhiên và sản lượng gỗ khai thác đều tăng.
- D. Diện tích rừng tự nhiên luôn chiếm phần lớn và có tỉ trọng tăng.

Câu 15: Quá trình feralit ở nước ta đã hình thành nên lớp đất dày chủ yếu do

- A. rừng nhiệt đới phát triển tạo nên tầng thảm mục dày.
- B. địa hình phân hóa tăng quá trình bồi lấp vùng trũng.
- C. phân hóa mưa - khô làm tăng tích tụ oxit sắt, nhôm.
- D. nhiệt, ẩm cao làm quá trình phong hóa diễn ra mạnh.

Câu 16: Phát biểu nào sau đây đúng về thương mại nước ta?

- A. Covid 19 là động lực chủ yếu làm hình thức bán hàng ngày càng đa dạng.
- B. Cơ cấu hàng xuất nhập khẩu chủ yếu phụ thuộc vào Nga và Đông Nam Á.
- C. Doanh thu của nội thương có xu hướng tăng và khác nhau giữa các vùng.
- D. Hoạt động ngoại thương biến động chủ yếu do tình hình chính trị thế giới.

Câu 17: Giải pháp chủ yếu để phát triển nông nghiệp bền vững ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. ứng dụng khoa học công nghệ cao, hình thành chuỗi giá trị, tăng cường liên kết vùng.
- B. phổ biến mô hình du lịch nông nghiệp trải nghiệm, thu hút vốn đầu tư, cải tạo tự nhiên.
- C. tăng cường dịch vụ hậu cần, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, phát triển kinh tế dưới rừng.
- D. đẩy mạnh chế biến, đa dạng nông sản xuất khẩu, phát triển mô hình sản xuất tổng hợp.

Câu 18: Sự khác biệt về khí hậu giữa miền Bắc và miền Nam là nguyên nhân chủ yếu khiến

- A. miền Bắc có cơ cấu cây trồng, vật nuôi đa dạng hơn và thay đổi liên tục hơn.
- B. thiệt hại về kinh tế do thiên tai và biến đổi khí hậu ở miền Bắc lớn hơn.
- C. du lịch biển và hoạt động đánh bắt thủy sản ở miền Nam thường xuyên hơn.
- D. diện tích rừng ở miền Nam tăng nhanh hơn và đa dạng sinh học cao hơn.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

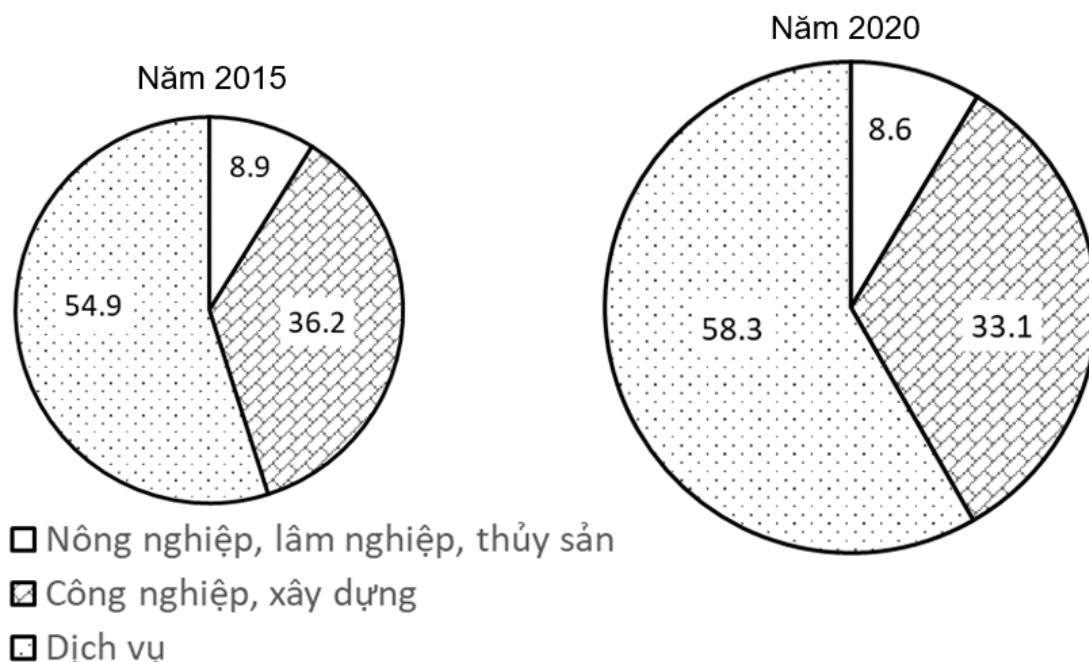
Câu 1. Cho thông tin sau:

Ngành du lịch được coi là thế mạnh ở nhiều vùng của nước ta. Trong những năm gần đây, doanh thu của ngành có sự gia tăng nhanh chóng, các loại hình ngày càng đa dạng, liên kết chặt chẽ với nhiều ngành kinh tế khác và hướng tới phát triển bền vững.

a) Hiện nay, ngành du lịch nước ta phát triển ở trình độ cao, có vai trò quan trọng hàng đầu trong việc thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế.

- b) Các công ty lữ hành phát triển rộng khắp đến từng xã, phường trong cả nước, nhờ sự hỗ trợ của công nghệ đã tạo được sự kết nối với toàn thế giới trong thời gian ngắn.
- c) Các trung tâm du lịch cấp quốc gia chính là các trung tâm kinh tế lớn đồng thời là các đô thị lớn.
- d) Sự hình thành các vùng du lịch dựa trên cơ sở chủ yếu là tài nguyên du lịch, trình độ phát triển kinh tế và nhu cầu của người dân để tạo nên các sản phẩm du lịch đặc trưng.

Câu 2. Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ thể hiện quy mô và cơ cấu GDP của Thái Lan năm 2015 và năm 2020 (đơn vị: %)

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021)

- a) Quy mô GDP của Thái Lan năm 2020 nhỏ hơn năm 2015.
- b) Ngành dịch vụ luôn chiếm tỉ trọng lớn nhất, còn nhóm ngành nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản chiếm tỉ trọng nhỏ nhất.
- c) Mặc dù tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp - xây dựng có xu hướng giảm nhưng vẫn đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu GDP.
- d) Cơ cấu GDP của Thái Lan đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, giảm tỉ trọng khu vực nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản; tăng tỉ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với nhiệt, ẩm cao và các loại gió hoạt động theo mùa. Tính chất khí hậu này đã tác động sâu sắc tới tất cả các thành phần địa lí tự nhiên, trong đó có địa hình. Biểu hiện rõ rệt nhất của địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa là quá trình xâm thực mạnh ở vùng đồi núi và bồi tụ nhanh ở các đồng bằng hạ lưu sông. Khi lên các đỉnh núi cao, tính chất nhiệt đới của khí hậu bị suy giảm.

- a) Địa hình cacx-tơ ở nước ta là kết quả tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa trên vùng núi đá vôi.
- b) Quá trình xâm thực mạnh ở vùng đồi núi kéo theo sạt lở, đứt gãy, sụt lún ở đồng bằng.
- c) Địa hình làm khí hậu có sự phân hóa theo đai cao, tuy nhiên phía Nam có nền nhiệt cao hơn nên sự phân hóa khí hậu theo đai cao ở miền Nam và miền Bắc không hoàn toàn giống nhau.
- d) Các đỉnh núi cao ở nước ta thường mát mẻ tạo thuận lợi cho các hoạt động kinh tế chủ yếu là du lịch, trồng cây công nghiệp hàng năm có nguồn gốc cận nhiệt, ôn đới.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Vùng biển nước ta giàu tài nguyên, không chỉ có ý nghĩa lớn về kinh tế mà còn có ý nghĩa chiến lược về an ninh quốc phòng. Khai thác tổng hợp tài nguyên biển, đảo và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia trên biển là mục tiêu quan trọng của nước ta hiện nay.

- a) Năng lượng tái tạo từ biển của nước ta đa dạng gồm năng lượng gió, năng lượng sóng, năng lượng thủy triều, năng lượng mặt trời, năng lượng địa nhiệt.

- b) Các vùng kinh tế giáp biển có thể kết hợp phát triển du lịch để thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm thủy hải sản, riêng Đông Nam Bộ có thể kết hợp phát triển hàng hải hỗ trợ cho việc xuất khẩu dầu khí.
- c) Cần tăng cường bảo vệ môi trường biển, đảo nước ta do nhiệt độ nước biển chịu tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu, số lượng đảo của nước ta nhiều nên khó quản lí, trong khi các hoạt động kinh tế đang có xu hướng làm tài nguyên biển bị cạn kiệt, môi trường biển bị ô nhiễm.
- d) Xây dựng các khu kinh tế ven biển, đa dạng loại hình dịch vụ, đẩy mạnh khai thác xa bờ, xử lý các tranh chấp trên biển bằng biện pháp hòa bình nhưng vẫn bảo vệ quyền lợi của quốc gia là những giải pháp góp phần phát triển kinh tế biển nước ta bền vững, thịnh vượng, an toàn.

PHẦN III. Thí sinh trả lời câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Số giờ nắng các tháng năm 2023 tại một số trạm quan trắc

(Đơn vị: giờ)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nam Định	76,6	37,6	62,2	44,5	188,9	154,3	230,8	95,7	96,9	133,8	136,2	80,2
Cà Mau	115,3	163,5	266,3	213,1	182,6	141,7	105,5	220,9	89,1	145,1	112,4	161,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tổng số giờ nắng trong năm 2023 tại trạm quan trắc Cà Mau cao hơn tổng số giờ nắng trong năm tại trạm quan trắc Nam Định là bao nhiêu giờ (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2. Năm 2023, Đồng bằng sông Hồng có 1253 dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp phép với tổng số vốn đăng kí là 18067,3 triệu USD. Hãy cho biết số vốn bình quân của mỗi dự án được nước ngoài đầu tư vào Đồng bằng sông Hồng năm 2023 là bao nhiêu triệu USD (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3. Năm 2023, thành phố Hồ Chí Minh có dân số là 9456,7 nghìn người; diện tích là 2095,4 Km². Hãy cho biết mật độ dân số của thành phố Hồ Chí Minh năm 2023 là bao nhiêu người/km² (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Cho bảng số liệu

Độ ẩm không khí trung bình các tháng năm 2023 tại trạm quan trắc Hà Nội

(Đơn vị: %)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội	66	79	78	82	75	75	70	77	77	67	71	70

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết độ ẩm không khí trung bình năm 2023 tại trạm quan trắc Hà Nội là bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5. Năm 2023, dân số nước ta là 100,3 triệu người, trong đó lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 52,4 triệu người. Hãy cho biết lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên ở nước ta năm 2023 chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng dân số (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6. Cho bảng số liệu

Trị giá xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa của nước ta năm 2021 và năm 2023.

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2021	2023
Xuất khẩu	336,1	354,7
Nhập khẩu	332,9	326,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết giá trị xuất siêu của nước ta năm 2023 so với năm 2021 tăng bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- HẾT -----